

Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên

Báo cáo của Hội đồng quản trị
và
Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 25

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007675, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 8 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Số 4103007675 (thay đổi lần 1)	18 tháng 10 năm 2008
Số 4103007675 (thay đổi lần 2)	16 tháng 12 năm 2008
Số 0305173769 (thay đổi lần 3)	28 tháng 7 năm 2009

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng bằng kim loại.

Công ty có trụ sở chính tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà máy tại lô KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Năm nay</i>	<i>VNĐ Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm	7.676.488.846	1.430.879.155
Cổ tức đã công bố và chi trả trong năm	650.048.000	-
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	7.980.936.557	1.627.159.886

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo giấy phép số 766/QD-SDGHN ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải	Thành viên
Ông La Thọ Văn	Thành viên
Ông Lê Anh Hải	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Trần Xảo Cơ
Chủ tịch hội đồng quản trị

Ngày 20 tháng 3 năm 2010

Số tham chiếu: 60752742 / 13900133

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính”) được trình bày từ trang 4 đến trang 25. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: N.1073/KTV

Đặng Hồng Tân
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0489/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2009

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		45.486.382.083	13.303.003.178
110	I. Tiền	4	11.827.198.896	2.686.924.860
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn	5	15.730.102.069	6.775.000.084
131	1. Phải thu khách hàng		15.543.042.725	6.025.916.541
132	2. Trả trước cho người bán		675.605.528	797.551.117
139	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(488.546.184)	(48.467.574)
140	III. Hàng tồn kho	6	14.929.016.512	2.840.512.152
141	1. Hàng tồn kho		15.054.273.991	2.840.512.152
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(125.257.479)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.000.064.606	1.000.566.082
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		74.906.451	420.507.188
152	2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ		2.320.572.720	425.058.894
154	3. Thuế phải thu Nhà nước		14.555.747	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	590.029.688	155.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.915.826.943	5.292.303.132
220	I. Tài sản cố định		10.596.847.798	3.843.574.769
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.596.847.798	3.843.574.769
222	Nguyên giá		12.223.897.908	4.646.185.497
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.627.050.110)	(802.610.728)
260	II. Tài sản dài hạn khác		1,318.979.145	1.448.728.363
261	1. Chi phí phân bổ dài hạn		1.124.914.328	1.299.958.363
262	2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	20.2	111.064.817	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		83.000.000	148.770.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		57.402.209.026	18.595.306.310

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		29.145.055.294	6.968.146.424
310	I. Nợ ngắn hạn		28.997.409.127	6.889.210.924
311	1. Vay ngắn hạn	9	17.495.010.994	5.500.000.000
312	2. Phải trả người bán		8.654.305.578	1.166.669.275
313	3. Người mua trả tiền trước		167.621.054	-
314	4. Thuế phải nộp Nhà nước	10	1.447.526.672	111.541.649
315	5. Phải trả người lao động		456.846.000	-
316	6. Chi phí phải trả		191.048.147	111.000.000
319	7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	11	585.050.682	-
330	II. Nợ dài hạn		147.646.167	78.935.500
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		147.646.167	78.935.500
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		28.257.153.732	11.627.159.886
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	28.235.765.062	11.627.159.886
411	1. Vốn cổ phần		20.000.000.000	10.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		134.532.835	-
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		120.295.670	-
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.980.936.557	1.627.159.886
430	II. Quỹ khác	12	21.388.670	-
431	1. Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.388.670	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		57.402.209.026	18.595.306.310

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ Đô la Mỹ (US\$)	235.277	34.648

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Minh
Tổng Giám Đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	152.220.166.268	35.526.718.333
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14	(29.700.000)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	152.190.466.268	35.526.718.333
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	15,18	(131.534.279.805)	(27.387.008.253)
20	5. Lợi nhuận gộp		20.656.186.463	8.139.710.080
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	1.969.355.892	380.962.722
22	7. Chi phí tài chính	17	(1.383.844.445)	(262.838.393)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(736.285.611)</i>	<i>(262.838.393)</i>
24	8. Chi phí bán hàng	18	(5.873.439.066)	(2.465.970.413)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(5.911.902.975)	(3.439.235.604)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.456.355.869	2.352.628.392
31	11. Thu nhập khác	19	200.873.164	2.763.570
32	12. Chi phí khác	19	(99.474.087)	(264.846)
40	13. Lợi nhuận khác	19	101.399.077	2.498.724
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.557.754.946	2.355.127.116
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(1.992.330.917)	(924.247.961)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20.2	111.064.817	-
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		7.676.488.846	1.430.879.155
80	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	5.537	2.253

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Minh
Tổng Giám Đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGV

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		9.557.754.946	2.355.127.116
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	8	829.462.526	640.818.156
03	Các khoản dự phòng		634.046.756	127.403.074
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	16	(66.418.878)	(29.872.360)
05	Lỗi từ hoạt động đầu tư		7.893.523	-
07	Chi phí lãi vay		736.285.611	216.000.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.699.024.484	3.309.475.986
09	Tăng các khoản phải thu		(11.785.574.673)	(4.022.658.988)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		(12.213.761.839)	33.165.800
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		8.803.459.104	(3.343.813.716)
12	Tăng chi phí trả trước		520.644.772	(1.146.651.660)
13	Tiền lãi vay đã trả		(736.285.611)	(198.000.000)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18.1	(663.412.927)	(984.422.787)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(247.677.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(4.623.583.690)	(6.352.905.365)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(7.590.629.078)	(759.267.818)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		9.523.810	-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(7.581.105.268)	(759.267.818)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		10.000.000.000	3.500.000.000
33	Tiền vay đã nhận		35.845.010.994	5.500.000.000
34	Tiền vay đã trả		(23.850.000.000)	-
36	Cổ tức đã trả		(650.048.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		21.344.962.994	9.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.140.274.036	1.887.826.817
60	Tiền đầu năm		2.686.924.860	799.098.043
70	Tiền cuối năm	4	11.827.198.896	2.686.924.860

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Minh
Tổng Giám Đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2010

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007675, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 30 tháng 8 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Ngày điều chỉnh

Số 4103007675 (thay đổi lần 1)	18 tháng 10 năm 2008
Số 4103007675 (thay đổi lần 2)	16 tháng 12 năm 2008
Số 0305173769 (thay đổi lần 3)	28 tháng 7 năm 2009

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng bằng kim loại.

Công ty có trụ sở chính tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà máy tại lô KE A2/7, Tân Kiên – Bình Lợi, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 170 (2008: 107).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam (“VAS”) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong tương lai.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các năm trước.

3.2 Tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Thông tư 201 khác biệt so với các chính sách kế toán hiện hành đã được áp dụng trong các năm trước theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("VAS 10") đã được Công ty áp dụng trong các năm

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày
tài chính trước liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ
cuối năm như sau:

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo VAS 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Những ảnh hưởng trong trường hợp Công ty áp dụng Thông tư 201 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là không trọng yếu đối với các báo cáo tài chính.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

3.14 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.15 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia phần lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

4. TIỀN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	3.272.178.935	42.013.450
Tiền gửi ngân hàng	<u>8.555.019.961</u>	<u>2.644.911.410</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.827.198.896</u>	<u>2.686.924.860</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu bên thứ ba	15.541.492.726	6.019.430.541
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	1.549.999	6.486.000
Ứng trước cho nhà cung cấp	481.681.028	50.314.250
Ứng trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	<u>193.924.500</u>	<u>747.236.867</u>
TỔNG CỘNG	<u>16.218.648.253</u>	<u>6.823.467.658</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(488.546.184)</u>	<u>(48.467.574)</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.730.102.069</u>	<u>6.775.000.084</u>

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.427.569.809	1.439.966.063
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	426.743.330
Thành phẩm	2.285.984.038	758.810.566
Hàng hóa	10.039.960.373	214.992.193
Hàng gửi đi bán	300.759.771	-
TỔNG CỘNG	15.054.273.991	2.840.512.152
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(125.257.479)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	14.929.016.512	2.840.512.152

Hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, như được trình bày trong Thuyết minh số 9

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	500.000.000	-
Ký quỹ ngắn hạn	90.029.688	9.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	-	146.000.000
TỔNG CỘNG	590.029.688	155.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	4.112.696.267	375.670.112	157.819.118	4.646.185.497
Tăng trong năm	7.288.326.165	239.238.095	63.064.818	7.590.629.078
Thanh lý	-	(12.916.667)	-	(12.916.667)
Số dư cuối năm	<u>11.401.022.432</u>	<u>601.991.540</u>	<u>220.883.936</u>	<u>12.223.897.908</u>
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm	(667.970.390)	(83.482.256)	(51.158.082)	(802.610.728)
Khấu hao trong năm	(700.393.289)	(75.902.696)	(53.166.541)	(829.462.526)
Thanh lý	-	5.023.144	-	-
Số dư cuối năm	<u>(1.368.363.679)</u>	<u>(154.361.809)</u>	<u>(104.324.623)</u>	<u>(1.627.050.110)</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	<u>3.444.725.877</u>	<u>292.187.856</u>	<u>106.661.036</u>	<u>3.843.574.769</u>
Số dư cuối năm	<u>10.032.658.753</u>	<u>447.629.732</u>	<u>116.559.313</u>	<u>10.596.847.798</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. VAY NGẮN HẠN

		VNĐ	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	(1)	13.500.000.000	4.000.000.000
Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	(2)	3.995.010.994	1.500.000.000
TỔNG CỘNG		<u>17.495.010.994</u>	<u>5.500.000.000</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

- (1) Công ty đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Eximbank”) những hợp đồng vay chi tiết như sau:
- Ngày 17 tháng 09 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng số 1401-LAV-200808490 với Eximbank cho khoản vay trị giá 5.000.000.000 với lãi suất 0,875% một tháng và được hoàn trả trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho được mua bằng nguồn vốn vay.
 - Ngày 17 tháng 09 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng số 1401-LAV-200811051 với Eximbank cho khoản vay trị giá 8.500.000.000 với lãi suất 0,875% một tháng và được hoàn trả trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty và được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho được mua bằng nguồn vốn vay.
- (2) Công ty đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt (“Navibank”) những hợp đồng vay chi tiết như sau:
- Ngày 26 tháng 08 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng số 16-03/HDTD-KUNN/2009 với Navibank cho khoản vay tín chấp trị giá 43.166,54 USD tương đương với 774.440.130 VNĐ với lãi suất 0,417% một tháng và được hoàn trả trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này dùng để thanh toán LC số P0107091LC37051 được mở ngày 29 tháng 07 năm 2009.
 - Ngày 26 tháng 08 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng số 16-02/HDTD-KUNN/2009 với Navibank cho khoản vay tín chấp trị giá 17.868,06 USD tương đương với 320.570.864 VNĐ với lãi suất 0,417% một tháng và được hoàn trả trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này dùng để thanh toán LC số P01070091LC37056 được mở ngày 6 tháng 08 năm 2009.
 - Ngày 14 tháng 09 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng số 16-04/HDTD-KUNN/2009 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt cho khoản vay tín chấp trị giá 2,900,000,000 VNĐ với lãi suất 0,875% một tháng và được hoàn trả trong vòng sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

10. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (Thuyết minh số 19.1)	1.440.459.639	111.541.649
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	7.067.033	-
TỔNG CỘNG	<u>1.447.526.672</u>	<u>111.541.649</u>

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VNĐ	
	Ending balance	Beginning balance
Doanh thu chưa thực hiện	569.364.811	-
Bảo hiểm xã hội	15.685.871	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TOTAL

585.050.682

-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VNĐ
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư & phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước:						
Số đầu năm	6.500.000.000	-	-	-	196.280.731	6.696.280.731
Phát hành cổ phiếu	3.500.000.000	-	-	-	-	3.500.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.430.879.155	1.430.879.155
Số cuối năm	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.627.159.886</u>	<u>11.627.159.886</u>
Năm nay:						
Số đầu năm	10.000.000.000	-	-	-	1.627.159.886	11.627.159.886
Phát hành cổ phiếu	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.676.488.846	7.676.488.846
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(650.048.000)	(650.048.000)
Trích lập quỹ	-	134.532.835	269.065.670	269.065.670	(672.664.175)	-
Sử dụng quỹ	-	-	(148.770.000)	(247.677.000)	-	(396.447.000)
Số cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>134.532.835</u>	<u>120.295.670</u>	<u>21.388.670</u>	<u>7.980.936.557</u>	<u>28.257.153.732</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

12.1 Vốn cổ phần

	Số cổ phần	Mệnh giá VNĐ
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2008	650.000	6.500.000.000
Phát hành cổ phiếu	350.000	3.500.000.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.000.000	10.000.000.000
Cổ phiếu phát hành mới	1.000.000	10.000.000.000
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.000.000	20.000.000.000

Cổ phiếu của Công ty được phát hành với mệnh giá 10.000 ngàn đồng một cổ phiếu.

Công ty đã phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu vào ngày 12 tháng 08 năm 2009.

12.3 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng cộng	Cổ phiếu phổ thông	Tổng cộng	Cổ phiếu phổ thông
Vốn góp của các cổ đông	20,000,000,000	2,000,000	10,000,000,000	1,000,000
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	6,100,000,000	610,000	6,100,000,000	610,000
Ông Trần Tuấn Minh	900,000,000	90,000	200,000,000	20,000
Ông Lê Anh Hải	500,000,000	50,000	500,000,000	50,000
Ông Lương Tuấn Minh	400,000,000	40,000	400,000,000	40,000
Ông La Văn Thọ	300,000,000	30,000	600,000,000	60,000
Ông La Thời Tâm	200,000,000	20,000	400,000,000	40,000
Ông Trần Ngọc Hải	200,000,000	20,000	400,000,000	40,000
Cổ đông khác	11,400,000,000	1,140,000	1,400,000,000	140,000

13. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho cổ đông (VNĐ)	7.676.488.846	1.430.879.155
Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền	1.386.301	635.205
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	5.537	2.253

14. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	111.365.314.857	57.297.233
Doanh thu bán thành phẩm	40.854.851.411	35.469.421.100
	152.220.166.268	35.526.718.333
Trừ:		
Giảm giá hàng bán	(29.700.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

TỔNG CỘNG

152.190.466.268

35.526.718.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	105.324.910.120	48.479.253
Giá vốn của thành phẩm đã bán	26.209.369.685	27.338.529.000
TỔNG CỘNG	<u>131.534.279.805</u>	<u>27.387.008.253</u>

16. DOANH THU TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	1.767.294.516	304.050.720
Tiền lãi	135.642.498	47.039.642
Lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	66.418.878	29.872.360
TỔNG CỘNG	<u>1.969.355.892</u>	<u>380.962.722</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi	736.285.611	216.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	647.558.834	46.838.393
TỔNG CỘNG	<u>1.383.844.445</u>	<u>262.838.393</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.347.555.335	21.765.727.493
Chi phí nhân công	5.564.464.022	3.562.424.415
Chi phí phát triển thị trường	2.107.724.234	1.179.882.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định (<i>Thuyết minh số 8</i>)	829.462.526	640.818.156
Chi phí khác và chi phí dịch vụ mua ngoài	8.470.415.729	6.143.361.774
TỔNG CỘNG	<u>143.319.621.846</u>	<u>33.292.214.270</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	200.873.164	2.763.570
Thu nhập từ bán phế liệu	190.151.323	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	9.523.810	-
Khoản khác	1.198.031	2.763.570
Chi phí khác	(99.474.087)	(264.846)
Chi phí liên quan đến việc bán phế liệu	(91.315.818)	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(7.893.523)	-
Khoản khác	(264.746)	(264.846)
Giá trị thuần	<u>101.399.077</u>	<u>2.498.724</u>

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn giảm, gia hạn nộp thuế TNDN, Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp cho năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty.

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	9.557.754.946	2.355.127.116
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán		
Chi phí không hợp lệ	1.214.304.041	1.194.802.618
Doanh thu chưa thực hiện	569.364.811	-
Trích trước chi phí hoa hồng xuất khẩu	191.048.147	-
Khoản chênh lệch dự phòng trợ cấp mất việc làm	51.024.957	-
Tiền thưởng ngoài lương tháng 13	168.429.846	-
Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán		
Giá vốn liên quan đến doanh thu chưa thực hiện (Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	(300.759.771) (66.418.878)	- -
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	11.384.748.099	3.549.929.734
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành (25%)	2.846.187.025	999.186.985
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	(853.856.107)	(74.939.024)
Chi phí thuế TNDN sau giảm trừ	1.992.330.917	924.247.961
Thuế TNDN phải trả đầu năm	111.541.649	171.716.475
Thuế TNDN đã trả trong năm	(663.412.927)	(984.422.787)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 10)	1.440.459.639	111.541.649

20.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước được trình bày như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán		Ghi thu nhập trong kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	(16.604.720)	-	(16,604,720)	-
Trích trước hoa hồng xuất khẩu	47.762.037	-	47,762,037	-
Doanh thu chưa thực hiện	142.341.204	-	142,341,204	-
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	(75.189.943)	-	(75,189,943)	-
Trợ cấp mất việc làm	12.756.239	-	12,756,239	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	111.064.817	-		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			111.064.817	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	50.102.137.823
		Mua nguyên vật liệu	30.568.754.624
		Cung cấp dịch vụ	1.511.563.779
		Mua máy móc	671.992.927
		Bán hàng hóa	473.477.945
Công ty Cổ phần Hữu Liên Đầu tư	Bên liên quan	Tiền thuê văn phòng	261.015.909

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Giá trị</i>
Phải thu khách hàng Công ty Cổ phần Hữu Liên Đầu tư	Bên liên quan	Bán hàng hóa	<u>1.549.999</u>
Ứng trước cho nhà cung cấp Công ty Cổ phần Hữu Liên Đầu tư	Bên liên quan	Trả trước tiền thuê văn phòng	<u>193.924.500</u>
Phải trả người bán Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	<u>7.569.340.867</u>
Phải thu khác Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	Công ty liên kết	Kỹ quỹ	<u>500.000.000</u>

22. CÁC CAM KẾT

Công ty hiện đang thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Đến 1 năm	1.152.000.000	1.152.000.000
Từ 1 - 5 năm	<u>1.920.000.000</u>	<u>3.072.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.072.000.000</u>	<u>4.224.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính này.

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2010